

Nguyễn Xuân Hải

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

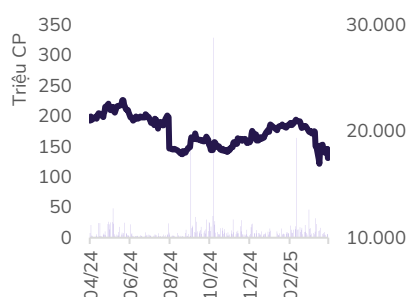
Kế hoạch năm 2025 tăng trưởng mạnh mẽ

Điểm chính của ĐHCĐ ngày 27/03/2025

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Ngân hàng
Ngày báo cáo	: 23/04/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 17.500
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 52.135
SLCPLH (Triệu CP)	: 2.979

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2023A	2024A
TT tín dụng (% svck)	14,2%	21,5%
TT huy động (% svck)	18,2%	16,8%
TT thu nhập lãi (% svck)	23,5%	-9,4%
NIM (%)	5,0%	3,7%
LDR thuần (%)	102,5%	108,4%
NPL (%)	3,1%	3,5%
LLR (%)	51,0%	50,1%
Vốn NH cho vay TDH	N/A	N/A
CIR (%)	29,8%	35,1%

Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Kết quả kinh doanh 2024 của VIB đi lùi so với cùng kỳ 2023.** Cụ thể:
 - Tổng thu nhập hoạt động của VIB đạt 20.509 tỷ đồng, -7,2% svck, do sự sụt giảm từ thu nhập lãi thuần (-9,4% svck) và mảng dịch vụ (-19,9% svck). Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 7.204 tỷ đồng, -15,9% svck.
 - **Thu nhập lãi thuần** trong 2024 ghi nhận mức sụt giảm -9,4% svck, đạt 3.202 tỷ đồng. Trong đó:
 - Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ (+21,5% svck), cao hơn nhiều so với trung bình toàn ngành (+15,1% svck). Động lực tăng trưởng chính đến từ cho vay khách hàng, trong khi ngân hàng giảm lượng nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp (-22,8% svck). Về cơ cấu cho vay khách hàng, khách hàng cá nhân vẫn chiếm trọng số lớn nhất trong tổng danh mục cho vay (khoảng 80%) nhưng xuống mức thấp nhất trong vòng 6 năm trở lại đây. Ngân hàng đã có những nỗ lực không nhỏ trong việc đa dạng hóa sang nhóm khách hàng doanh nghiệp với mức tăng trưởng +67,1% svck chỉ trong năm 2024 cao hơn nhiều mức tăng trưởng của nhóm khách hàng cá nhân, đạt +13,2% svck. Về lĩnh vực cho vay, danh mục cấp tín dụng trải dài nhiều lĩnh vực, trong đó, cho vay mua nhà chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 49%, sụt giảm so với cuối năm 2023 là 52%. Trong khi đó, thẻ và các hoạt động cho vay khác tăng mạnh tỷ trọng từ 12% năm 2023 lên 18% cuối năm 2024.
 - Cùng với xu hướng toàn ngành, NIM trong năm 2024 giảm mạnh xuống mức 3,75% từ 5,01% do VIB tập trung giảm mạnh lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Lãi suất sinh lời bình quân giảm mạnh hơn chi phí vốn và có mức giảm lần lượt là -268 điểm cơ bản và -156 điểm cơ bản svck.
 - Thu nhập ngoài lãi tăng nhẹ từ mức nền cao của năm 2023, đạt 3.818 tỷ đồng (+3,9% svck). Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối đạt 501 tỷ đồng, giảm -8,7% svck. Thu từ hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán tăng 91,1% svck. Ngược lại, thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt 1.765 tỷ đồng (-19,9% svck) do cuộc khủng hoảng bancassurance và sự hồi phục chậm chạp của hoạt động bán lẻ. Thu nhập từ hoạt động khác là một điểm sáng khi tăng gần gấp đôi với cùng kỳ năm ngoái, nhờ hoạt động thu hồi từ nợ xấu đã xóa được đẩy mạnh, đạt 1.247 tỷ đồng trong 2024.
 - Chi phí hoạt động ghi nhận 7.211 tỷ, tăng 9,1% svck. Đi ngược với xu hướng CIR của toàn ngành, CIR của VIB tăng mạnh từ 29,8% trong năm 2023 lên 35,1% trong năm 2024. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm nhẹ do mức nền cao của năm ngoái và nợ xấu được cải thiện trong 2 quý cuối năm.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA VIB Q4/2024 & NĂM 2024

Chỉ tiêu	4Q 2023	4Q 2024	%YoY	2023	2024	%YoY
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	4.333	4.074	-6,0%	18.484	16.750	-9,4%
Thu nhập thuần ngoài lãi (Tỷ đồng)	1.509	1.202	-20,4%	3.676	3.819	3,9%
Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ đồng)	5.842	5.275	-9,7%	22.160	20.569	-7,2%
Chi phí hoạt động (Tỷ đồng)	1.771	1.752	-1,1%	6.611	7.211	9,1%
CIR (%)	30,3%	33,2%		29,8%	35,1%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (Tỷ đồng)	1.693	1.123	-33,7%	4.846	4.353	-10,2%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	2.378	2.401	1,0%	10.704	9.004	-15,9%
NIM (%)	4,44%	3,49%		5,0%	3,7%	
Chi phí tín dụng (%)	2,65%	1,44%		1,94%	1,47%	
ROA (%)	1,9%	1,6%		2,3%	1,6%	
ROE (%)	20,6%	18,8%		24,3%	18,1%	

Nguồn: VIB, ABS Research

• Về chất lượng tài sản và các tỷ lệ an toàn hoạt động:

- Tại thời điểm cuối năm 2024, tỷ lệ nợ xấu của VIB ghi nhận 3,51%, giảm so với quý trước nhưng tăng 37 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Đi sâu phân tích, chúng tôi thấy nợ nhóm 2 giảm -27,6% svck, đồng thời tỷ trọng nợ nhóm trong 2 trong dư nợ cũng giảm mạnh từ 6,1% năm 2023 xuống 3,6% năm 2024. Tuy nhiên, nợ xấu nhóm 5 lại tăng mạnh +191% svck, nguyên nhân chính tới từ việc Thông tư 02 hết hiệu lực từ ngày 31/12/2024, khiến một số khách hàng bị phân loại lại nhóm nợ. Theo như lãnh đạo của ngân hàng chia sẻ, nợ xấu kỳ vọng đã được tạo đỉnh cuối năm 2024 và khởi sắc từ 2025. Đi cùng với chất lượng tài sản sụt giảm khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu sụt giảm nhẹ về mức 50,1% từ mức 51% năm 2023.
- Tiền gửi khách hàng tăng trưởng ở mức 16,8% svck, thấp hơn đáng kể mức tăng trưởng tín dụng là +21,5% svck nhưng cao hơn mức tăng trưởng toàn ngành. Các chỉ số quản trị đều ở mức an toàn, trong đó tỷ lệ an toàn vốn (CAR) đạt 11,9% (quy định: trên 8%), hệ số cho vay trên tổng tiền gửi (LDR) ở mức 72% (quy định: dưới 85%), hệ số nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn 22% (quy định: dưới 30%).

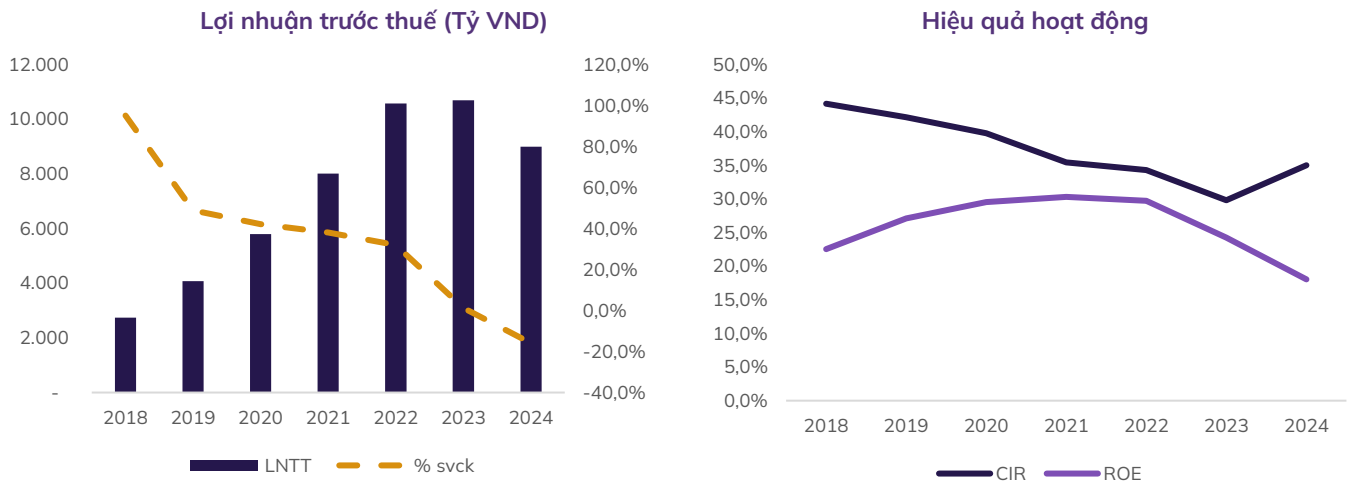
• Kế hoạch năm 2025 kỷ lục

- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 11.020 tỷ đồng (tăng 22% so với thực hiện 2024).
- Tổng tài sản dự kiến đạt 600.350 tỷ đồng (tăng 22% so với thực hiện 2024).
- Dư nợ tín dụng tăng lên 395.800 tỷ đồng (tăng 22% so với thực hiện 2024) bao gồm cho vay, trái phiếu doanh nghiệp, mua nợ.
- Huy động vốn đạt 377.300 tỷ đồng (tăng 26% so với thực hiện 2024).
- Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.

KẾ HOẠCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG NĂM 2025 CỦA VIB

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% svck
Tổng tài sản	493.158	600.350	22%
Tổng dư nợ tín dụng (Tỷ đồng)	324.611	395.800	22%
Huy động vốn (Tỷ đồng)	299.571	377.300	26%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	9.004	11.020	22%
Tỷ lệ nợ xấu	3,5%	<3,0%	

Nguồn: VIB, ABS Research



Nguồn: VIB, ABS Research

• Về phương án phân phối lợi nhuận và tăng vốn

Kết thúc năm 2024, VIB có hơn 6.000 tỷ đồng lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ. Ngân hàng dự kiến dành 2.085 tỷ đồng để chia cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông tương ứng với 7% vốn điều lệ.

Ngoài ra, VIB muốn phát hành thêm tối đa 417,07 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tương đương tỷ lệ 14% vốn điều lệ) và 7,8 triệu cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên (tương đương tỷ lệ 0,26% vốn điều lệ). Dự kiến sau khi phát hành vốn điều lệ của VIB sẽ tăng từ 29,791 tỷ đồng lên 34,040 tỷ đồng. Việc tăng vốn sẽ giúp VIB bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cấp tín dụng, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, nhân sự cũng như đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN.

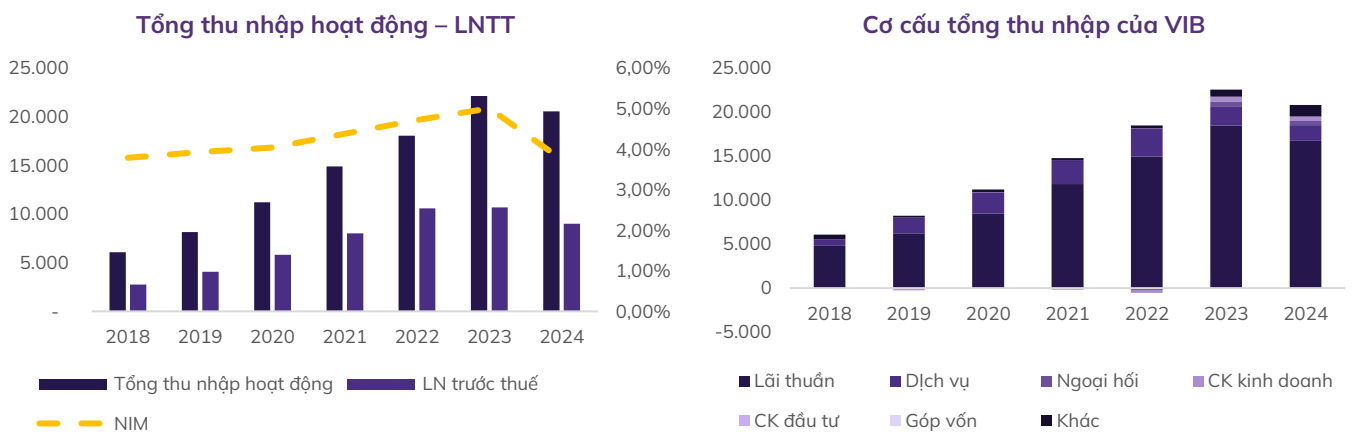
• Về kết quả kinh doanh và một số chỉ số trong quý 1/2025

Với chỉ tiêu lợi nhuận 11 ngàn tỷ, quý 1 đạt khoảng 20-22% kế hoạch cả năm. Theo kế hoạch của ngân hàng, kết quả kinh doanh sẽ tăng trưởng tốt hơn vào các quý sau do quý 1 rơi vào Tết nên có số thời gian hoạt động ít hơn các quý còn lại.

Tín dụng quý đầu năm ở mức trung bình so với toàn ngành với xấp xỉ 3%.

• Về Room của nhà đầu tư nước ngoài tại VIB

Đến đầu tháng 3/2025, CBA đã thoái vốn khỏi VIB sau khi đi cùng nhau hơn 1 thập kỷ. Việc CBA rút vốn đã mở ra dư địa mới cho ngân hàng trong việc tái cơ cấu cổ đông chiến lược. Theo ban lãnh đạo chia sẻ, VIB đã và đang đi tìm một số đối tác thích hợp đảm bảo phù hợp về mặt tài chính cũng như cộng hưởng được sức mạnh của đối tác vào hoạt động của ngân hàng. Nếu đạt được kết quả, VIB sẽ tổ chức ĐHCĐ bất thường để thông báo với cổ đông.



Nguồn: VIB, ABS Research

Đánh giá của ABS Research

- **Chúng tôi cho rằng kết quả kinh doanh năm 2025 của VIB sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định nhờ các yếu tố:**
 - Chúng tôi dự phóng VIB tăng trưởng tín dụng khoảng 20% trong năm 2025, thấp hơn mục tiêu tăng trưởng tín dụng 22% do bối cảnh rủi ro địa chính trị và chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến thuế nhập khẩu hoặc thuế chống bán phá giá từ các thị trường chủ lực như Mỹ, EU hay Trung Quốc đều có thể gây sức ép lên hoạt động xuất nhập khẩu từ đó tác động lớn đến nhu cầu tín dụng các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, danh mục cho vay của VIB chủ yếu tập trung vào phân khúc bán lẻ (chiếm 80% trong danh mục cho vay), do đó VIB sẽ chịu ảnh hưởng ít hơn từ thuế quan.
 - Chúng tôi nhận định NIM của VIB tiếp tục chịu áp lực trong 2 quý đầu năm 2025 do những quyết tâm của NHNN trong việc ổn định lãi suất tiền gửi, đẩy mạnh giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 2025. Tuy nhiên, NIM sẽ dần hồi phục trong nửa cuối năm 2025 khi các chương trình hỗ trợ giảm đi. Gần đây, VIB đã triển khai sản phẩm Tài khoản Siêu Lợi Suất như một giải pháp tài chính linh hoạt giúp khách hàng cá nhân tối ưu hóa dòng tiền nhàn rỗi. Đây là sản phẩm kết hợp giữa tài khoản thanh toán và khả năng sinh lời của tiền gửi có kỳ hạn, với lợi suất lên đến 4,3%/năm áp dụng cho phần số dư vượt ngưỡng. Ưu điểm nổi bật là khách hàng vẫn có thể rút tiền linh hoạt mọi lúc mà không ảnh hưởng đến phần lợi tức đã tích lũy trước đó. CASA hiện tại VIB cuối quý 4/2024 chỉ là 14,1%, thấp hơn tương đối so với trung bình ngành là 21,7%. Với sản phẩm này, VIB có thể khuyến khích khách hàng để lượng lớn số dư trong khoảng thời gian giúp cải thiện đáng kể CASA, từ đó giảm chi phí vốn cho VIB.
 - VIB có cơ cấu danh mục cho vay tập trung cao vào mảng bán lẻ, đặc biệt là cho vay mua nhà, mua xe, vay tiêu dùng và hộ kinh doanh, đây là các phân khúc nhạy cảm hơn với biến động thu nhập và chi phí sinh hoạt. Do đó, khả năng nợ xấu gia tăng trong điều kiện kinh tế vĩ mô chưa ổn định là hiện hữu. Tuy nhiên, ngân hàng đã đẩy mạnh các hoạt động kiểm soát tín dụng đầu vào, siết chuẩn mục cho vay, tăng trích lập dự phòng, cũng như đầu tư vào công nghệ để nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro. Do đó, chúng tôi dự báo chất lượng tài sản sẽ được cải thiện nhẹ trong năm 2025.
 - Dựa trên kế hoạch và những thách thức VIB phải đối mặt, chúng tôi ước tính LNTT của VIB trong năm 2025 là 10.225 tỷ đồng (+13,5% svck). Theo đó, chúng tôi ước tính EPS của công ty trong năm 2025 là 2.739 đồng/cổ phiếu, P/E 2025F ở mức 6,4x tại mức giá hiện tại. BVPS năm 2025 dự kiến đạt 16.082 đồng/cổ phiếu, P/B 2025F ở mức 1,1x lần tại mức giá hiện tại. ROE 2025F dự kiến là 15,7%.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA VIB

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20.975	27.509	36.691	32.443
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(9.159)	(12.547)	(18.207)	(15.693)
Thu nhập lãi thuần	11.816	14.963	18.484	16.750
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.521	4.529	3.614	3.203
Chi phí hoạt động dịch vụ	(779)	(1.341)	(1.410)	(1.437)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.742	3.188	2.203	1.765
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(87)	(275)	548	501
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	197	(176)	130	248
Thu nhập từ hoạt động khác	280	408	850	1.519
Chi phí hoạt động khác	(59)	(53)	(59)	(218)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	221	355	792	1.301
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	2	3	3	4
Tổng thu nhập hoạt động	14.891	18.058	22.160	20.569
Chi phí hoạt động	(5.282)	(6.197)	(6.611)	(7.211)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	9.609	11.861	15.550	13.358
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.598)	(1.280)	(4.846)	(4.353)
Tổng lợi nhuận trước thuế	8.011	10.581	10.704	9.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.601)	(2.112)	(2.141)	(1.800)
Lợi nhuận sau thuế	6.410	8.469	8.563	7.204
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0

An toàn vốn	2021	2022	2023	2024
VCSH/TTTS	7,8%	9,5%	9,3%	8,5%
VCSH/ Cho vay khách hàng	12,1%	14,1%	14,2%	12,9%

An toàn vốn	2021	2022	2023	2024
NPL	2,3%	2,5%	3,1%	3,5%
Dự phòng bao nợ xấu	51,4%	53,9%	51,0%	50,1%

Hiệu quả hoạt động	2021	2022	2023	2024
CIR	35,5%	34,3%	29,8%	35,1%
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập	79,4%	82,9%	83,4%	81,4%
Thu nhập ngoài lãi/ Tổng thu nhập	20,6%	17,1%	16,6%	18,6%

Lợi nhuận	2021	2022	2023	2024
NIM	4,4%	4,7%	5,0%	3,7%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HĐKD	20,6%	17,1%	16,6%	18,6%
ROA	2,3%	2,6%	2,3%	1,6%
ROE	30,3%	29,7%	24,3%	18,1%

Thanh khoản	2021	2022	2023	2024
LDR	94,6%	100,8%	102,5%	108,4%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.522	1.618	1.681	1.639
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	24.891	10.063	8.218	9.909
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	27.985	51.900	68.198	105.589
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	21	157	822
Cho vay khách hàng	199.116	228.879	262.075	318.316
Chứng khoán đầu tư	44.737	40.279	60.988	50.344
Đầu tư dài hạn	70	69	69	69
Tài sản cố định	604	700	756	795
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản Có khác	10.431	9.165	7.720	5.663
Tổng tài sản	309.514	342.796	409.879	493.156
Các khoản nợ NHNN	0	0	0	18.587
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	64.456	71.166	98.640	123.201
Tiền gửi của khách hàng	173.565	200.124	236.577	276.308
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	64	0	0	0
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	9	8	7	5
Phát hành giấy tờ có giá	42.298	31.775	23.897	23.263
Các khoản nợ khác	4.834	7.075	12.821	9.933
Tổng nợ phải trả	285.226	310.148	371.942	451.297
Vốn	15.533	21.078	25.370	29.793
Dự phòng	1.787	2.518	3.470	4.333
Chênh lệch tỷ giá	0	0	0	0
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	6.971	9.055	9.099	7.735
Tổng vốn chủ sở hữu	24.291	32.651	37.940	41.862
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	309.517	342.799	409.881	493.158

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Huy động	15,4%	15,3%	18,2%	16,8%
Tín dụng	19,2%	14,5%	14,2%	21,5%
Tổng tài sản	26,5%	10,8%	19,6%	20,3%
Vốn chủ sở hữu	35,1%	34,4%	16,2%	10,3%
Thu nhập lãi thuần	39,1%	26,6%	23,5%	-9,4%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	32,8%	21,3%	22,7%	-7,2%
Chi phí hoạt động	18,3%	17,3%	6,7%	9,1%
Lợi nhuận trước thuế	38,0%	32,1%	1,2%	-15,9%
Lợi nhuận sau thuế	38,1%	32,1%	1,1%	-15,9%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
EPS (đồng/cp)	4.063	4.018	3.376	2.368
BVPS (đồng/cp)	15.640	15.492	14.956	14.052
P/E	5,43	5,21	6,06	7,39
P/B	1,41	1,35	1,37	1,25

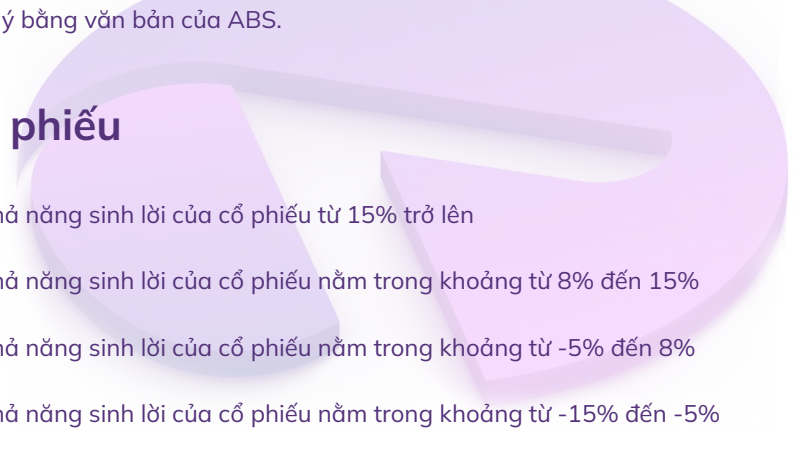
Nguồn: FiinPro, VIB, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu



MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây